

# TỤC CAO TẶNG TRUYỆN

## QUYỂN 7

### CHƯƠNG II - PHẦN 3: GIẢI NGHĨA

(Trong phần ba của chương II, Chánh truyện có mười vị, Phụ có bốn vị)

1/- Truyện ngài Thích Hồng Yển trụ chùa Tuyên Võ ở Dương Đô, đời Trần.

2/- Truyện ngài Thích Pháp Lăng trụ chùa Hưng Hoàng ở Dương Đô, đời Trần.

3/- Truyện ngài Thích Tuệ Dũng trụ chùa Đại Thiên chúng ở Dương Đô đời Trần.

4/- Truyện ngài Thích Bảo Quỳnh trụ chùa Bành Thành ở Dương Đô đời Trần (Minh Giải)

5/- Truyện ngài Thích Cảnh Thiều trụ chùa Bạch Mã ở Dương Đô đời Trần.

6/- Truyện ngài Thích An Lãm trụ chùa Kỳ Xà ở Chung Sơn đời Trần.

7/- Truyện ngài Thích Tuệ Bố trụ chùa Thê Hà ở Nhiếp Sơn đời Trần (Tăng Thuyên, Huyền Biện)

8/- Truyện ngài Thích Vong Danh ở Vị Tân thời bắc Chu (Tăng Côn)

9/- Truyện ngài Thích Đạo Sủng ở Nghiệp Hạ, thời Nguyên Ngụy.

10/- Truyện ngài Thích Tuệ Tung ở Bành Thành, thời Bắc Tề.

***1/- Truyện ngài Thích Hồng Yển trụ chùa Tuyên Võ ở Dương Đô.***

Thích Hồng Yển họ Tạ, người ở xứ Sơn Âm thuộc Cối Kê. Ông nội Sư tên Mậu, là người khiêm cung hòa mục, lắng đọng cẩn trọng, chẳng giao tiếp với thế tục. Cha của Sư tên Tạng, thông rành kinh sử,

giỏi về văn tảo. Lương Hành Dương Vương nghe mà mến trọng nên xin làm quan liêu kết bạn.

Sư là người phong thần đỉnh tú, mới hai mươi tuổi mà ngộ đạo, ban ngày đọc tụng kinh luận, ban đêm ngân vịnh thi thư. Giờ tốt cảnh đẹp, không hề phế bỏ học. Do vậy, Sư tuy nhỏ mà thông minh, khắp làng quận đều ngợi khen. Đến lúc trưởng thành. Sư vân du kinh ấp nghe khắp Số luận. Sau, gặp được Pháp Sư Đạo xước ở chùa Long Quang, Sư bèn hết lòng thọ học. Đặc biệt được thêm thưởng tiếp, lấy đó làm tuyệt luân. Do đó, các bạn đồng học đổi cách nhìn, lại cùng suy tôn kính phục. Chỉ trong vài ba năm bèn hiểu hết chỗ sâu mầu. Mới khai mở Pháp diên, nhóm tụ đồ chúng, mở rộng Luận Thành Thật. Nêu để nhân nhả, văn từ trào tuôn trầm bổng. Các hàng hậu học, tuổi cao xét nghĩ rõ nghĩa. Cầm kinh đội tráp, bỏ dối giữ thật. Do đó, kính ứng Pháp luân tổng trì các bộ. Ngài có dũng khí không ai hơn được, tùy chỗ bày giải. Sớm hy vọng rộng lượng, nhân đó mà theo chương cũ. Sư chăm nhìn nghĩ suy về mây khí, không hề tiếp đối, thấy trái ngược với bậc tiên đạt, không thể ban tình. Do đó những người lại học có sự cách ngăn, người nghe không hiểu. Sư bèn giữ chí, đóng cửa ở phòng nhàn, cao chuộng đạo ấy, suốt thời gian tìm kinh xem sử, cầu rộng thấy nhiều. Nước thu đài xuân, văn trong hương xuất, người giỏi nghĩ mây bay, người tài thì từ ngữ đẹp đẽ, Sư lại giỏi các lối chữ Thảo chữ Lệ, xứng đáng thời tục, nhỏ nhiệm hơn cả cành lá cỏ chi, đẹp xinh cùng tộ ngân câu. Nên dung mạo, oai nghi, thi, thơ nơi Sư được gọi là tứ tuyệt. Những bậc tài giỏi đương thời đều suy tôn khen ngợi.

Vua Thái Tông đời Lương lúc ở Đông Triều, cảm mến sự tài giỏi của Sư, muốn Sư hoàn tục để dẫn làm Học sĩ. Sư giữ chí bền bỉ chẳng hoàn tục, nên không thể đặt để. Gặp lúc vua Võ Đế (Tiêu Diên năm trăm lẻ hai-năm trăm năm mươi thời Nam Lương) khai mở giảng diên, thỉnh các bậc Danh đức bày hỏi, mà Sư tuổi tác chưa phải thuộc hàng lão túc, nên chỗ ngồi theo thứ lớp cách rất xa, mở lời chống kháng cao luận, tinh lý nhập thần. Vua mừng vui, ngợi khen. Sư rất lâu, mọi người ai cũng chăm chú nhìn. Hình nghi Sư vẫn tự nhiên, tinh thần vẫn giữ như ban đầu, khiến mọi người càng thêm đợm nhuần sự cao sáng nơi Sư. Và lúc mời Sư vào hậu đường lại càng thêm lễ tiếp ưu đãi. Gặp lúc rợ Nhung yết hoành hành, đói kém liên miên, nhân đó, Sư bèn lánh đến Tấn Vân, lẳng nhìn suối đá, giặc lại ruồng đuổi dân chúng ở núi, Sư liền vượt non lánh nạn, trôi dạt rong ruổi, không hề được yên ổn. Lương Trường Sa Vương Thiệu trấn nhậm ở Dĩnh Đô, nghe đạo phong Sư mà

phăng mối tìm đến, bỗng chốc khắp chữ cung đều bị vùi lấp. Ở thượng lưu đã ngăn trở loạn lạc. Sư bèn tùy việc trở về phương Đông. Nhân đó tâm giữ trong sự tĩnh lặng, nhìn lại suối rừng, mới mang roi trượng nhả da đến tinh xá Vân môn, trải qua khắp các núi sông đẹp xinh, dừng ở dài lâu. Sư lên Đỉnh Thăng Bình ở đất Ngô làm bài thơ rằng:

*“Tịch tịch vật chiều xế  
Trang nghiêm trời lặng trong.  
Lữ hành nương roi gậy  
Lên cao thoáng khách tình.  
Suối gò lấm vết cũ  
Làng xưa hoặc tên mới,  
Khói đêm xông mờ sáng  
Mặt trời soi tinh sương,  
Riêng đi thiếu bè bạn  
Nhẹ bước ít đón nghinh.  
Tin chẳng chỗ ta nương  
Tâm thương vật nào sánh?”*

Rồi Sư bèn rảo khắp các núi non, có ý chí muốn ở trọn tại đó, góp nhặt sửa sang chùa vũ, nhóm chúng giữa mài đạo nghiệp. Mãi đến lúc Vua Võ Đế (Trần Bá Tiên) đời Trần mở mang hoạch định, thay đổi cơ ngơi (năm trăm năm mươi bảy) Chư tăng xưa cũ ở Kinh Phụ nhiều lần cùng thỉnh mời, Sư nhìn chúng tăng ở núi mà nói rằng: “Tôi khổ nhọc chứa nhóm sở học hơn năm mươi năm, sự tình gặp phải ly loạn nên chưa nhàn rỗi để giảng nói. Nay thời cơ đã đến mà chẳng thực hiện, thì sao gọi là vì Pháp mà quên thân ư?” Nên đầu niên hiệu Thiên gia (năm trăm sáu mươi) đời Trần, Sư mới ra thành đô, giảng ở chùa Tuyên Võ. Học chúng lại nhóm họp, ai cũng trang nghiêm. Tuy Sư nhạt thuyết chẳng mệt nhọc mà tâm thường kết nơi chốn thâm u, nhân những lúc rảnh rỗi nghỉ giảng, Sư thường đến các chùa Khai Thiện, Định Lâm ở Chung Sơn để lắng bật tâm ư yên ngồi. Khi đó, Sư lại cầm bút đề thơ rằng:

*“Roi gậy lên non trước  
Vén xiêm ra ngoài cửa,  
Lưới mỏng xoay che kín  
Tối hẹp lại quanh oai  
Cây cao cành bóng nhỏ  
Núi ngày ít tiếng chim  
Thạch đài lúc trợt dếp  
Lưới trùng chợt thấm y.*

*Bên khe hoa tím nở  
 Trên non mây trắng bày  
 Góc thông tỏa khói bay  
 Nhà vắng lặng chẳng về  
 Hang cùng không qua lại  
 Quế rậm riêng tựa nương.”*

Gặp Sư nước Tê đến, xe thuyền cùng tiếp, Thôi Tử Võ, v.v.. là những người có tài xuất cảnh, cùng bàn luận về chiêm đối. Mọi người không thể nêu cử. Thế Tổ Văn Hoàng (tức vua Văn Đế-Trần Xuyến năm trăm sáu mươi-năm trăm sáu mươi bảy) cho rằng Sư là người Nội ngoại đều tài giỏi. Có thể cùng kháng ngôn, bèn ban sắc mời Sư đảm nhận giữ lễ tiếp khách. Sư nắm giữ then chốt ôn nhã, dung nghi khôi ngô, khuôn phép oai linh, giảng nói đạo vua, tỏ rạng đức hạnh của Tuyên Đế, tài năng ngôn từ rộng vượt, biện luận nhanh nhẹn, dùng văn thật để đượm nhuần, lấy từ tâm mà dẫn dắt. Thôi Tử Võ, v.v.. đánh lễ nhận lãnh cáo mạng, ngậm bội bắc Phiên. Vua Văn Đế ngợi khen, tán thưởng nồng hậu, ban tặng gấp bội lệ thường. Sư đều đưa sung vào của công, không nhận lấy một vật.

Năm đó, bệnh cũ của Sư tái phát, người nghe thưa dần. Sư bèn ở nghỉ trong một ngôi thất nhỏ, hứa cho mọi người han hỏi. Sư có tâm nghĩ rằng chẳng thể để một mình mình biết, bèn soạn Thành Luận số mấy mươi quyển, phân tích mở mang tinh lý, dựng lập tư tưởng sâu sắc. Bệnh tình càng trở nên trầm trọng, sự việc chưa được hoàn thành. Đến ngày hai mươi mốt tháng chín niên hiệu Thiên gia thứ năm (năm trăm sáu mươi bốn) đời Trần, là đến lúc bệnh nặng quá lắm, nhưng thần khí Sư vẫn không mờ tối. Sư bảo với đệ tử rằng: “Chúng sinh vì tâm tham khiến cho mờ tối, tham cái ta thì rơi một mảy lông cũng tiếc, tham của người thì không bao giờ nhàm chán biết đủ. Sau khi thân đã chết, mà còn phải xây dựng mộ cao, coi trọng cái quách, cho rằng dưới chín tuổi lại kết bốn bên gần giữ làm sao có thể than vãn! Hoàng Phủ Mật Dương Vương Tôn hơi được ý ta, tuy biết nhóm về nơi gò đất tốt đẹp, mà chưa biết được tâm ở độ ban đầu. Nay, sau khi ta nhắm mắt qua đời, hãy đem thân hình xấu xa khô khan này mà bố thí cho các loài tất cả chúng sinh bay trên chạy dưới. Nếu ở đời trước có mắc nợ oan trái nhau thì nhờ đây mà đền trả. Nếu không cùng đối nhận thì đời sống ta hoàn toàn được tốt lành. Đó là tâm nguyện bé nhỏ cũng là thú hưởng Bồ-đề. Mọi vật đều như thế!” Nói xong, Sư bèn chấp tay thị tịch tại chùa Tuyên Võ, thọ sáu mươi mốt tuổi.

Mọi người biết hay không biết thấy đều sinh tâm thương tiếc. Ngày hôm sau (hai mươi hai tháng chín) đón rước nhục thân Sư đến tôn trí tại sườn núi phía đông chùa Khai Thiện ở Chung Sơn. Nhưng Sư từ lúc lìa xa thế tục cho đến khi thị tịch, chỉ lấy việc học làm chính, tháo tiết cần kiệm, chỉ đắp mặc y phần tảo chẳng dùng tới gấm hoa, mỗi lúc duyên tình xúc khởi liền ngay đó đặt để, mà văn thể Sư trôi chảy, ít có người tiếp nối. Sư soạn thuật thiên chương thọ tay bị tán mất. Người sau góp nhặt biên chép thành tập được hơn hai mươi quyển, gặp lúc giặc loạn thất lạc mất chỉ còn được tám quyển. Đến khoảng niên hiệu Thái Kiến (569-583) đời Trần, Học sĩ Hà Tuấn rất mến chuộng, bèn cất vào trong Bí tạng.

## ***2/- Truyện ngài Thích Pháp Lãng trụ chùa Hưng Hoàng ở Dương Đô.***

Thích Pháp Lãng, họ Chu, người ở Quận Bái thuộc Từ Châu. Ông nội Sư hầu quan Tề cấp sự Hoàng Môn Thị Lang Thứ Sử Thanh Châu. Cha của Sư Thần quy Lương Viên Ngoại Tán Kỵ Thường thị Thái Thú quận Bái.

Sư, thưở mới gá thai, theo lời mẹ Sư kể; vốn giòng họ Lưu, mộng thấy một vị thần cưỡi lâu điện vào bụng. Trong mộng như nói thân đồng với hư không. Thế rồi tỉnh thức khắp thân thể đều nhẹ nhàng, có khác ngày thường. Nhân đó dứt bớt các thức ăn tạp có mùi vị tanh nồng. Đến lúc Sư vừa mới độ tuổi búi tóc mà vượt trội khác bao nhiêu đứa trẻ bình thường. Hiếu kính thuần đủ, tiết tháo chí khí bền vững trắng trong. Nhà vang khắp sáu quận, khí trùm khắp ba biên. Thưở thiếu thời, Sư học tập binh lý, sớm kinh hành trận, kiệm ước sửa thân, vinh nhục chẳng đổi thay, bổng chốc mà gá Tiết Ninh Viễn tướng quân Từ Tử Ngạn đi đánh chiếm phương Bắc. Nơi cửa bày kích dài, ngôi nghỉ dưới cây lớn. Sư suy nghĩ rằng: “Bình là hung khí, thân là nhân khổ, biển đục rừng tà, làm sao nhận biết được!”

Đến ngày mồng hai tháng hai niên hiệu Đại Thông thứ hai (năm trăm hai mươi tám) thời Nam Lương, lúc ấy Sư hai mươi mốt tuổi, bèn đến Thanh châu xuất gia nhập đạo. Sư vân du đến Dương Đô cầu học, đến chỗ Thiền sư Bảo Chí chùa Đại Minh thọ học các thiền pháp. Lại nghe Luật sư Thoán ở chùa ấy giảng văn luật bốn. Sư lại đến thọ học Thành Luận ở Pháp sư...Tiên ở chùa Nam Giải, học Tỳ-đàm với Tỉnh Công ở chùa Trúc Giải. Bấy giờ tiếng tăm Sư đã vang dội khắp kinh điện, thần cao trong học chúng, do đó, bạn miệng trời che bít tai khách,

tâm nghĩ mắt nhìn, không đâu chẳng đua chạy cạnh tranh. Chỉ vì Pháp mầu xưa kia nơi non thúu những người truyền xướng ít rộng rãi. Đạo phong của Ngài Long thọ, các bậc Tông sư chẳng tiếp nối. Truyện trước ghi chép Ngài Pháp Lăng ở Nhiếp Sơn, mở huyền xét vi, những việc đời ưa chuộng. Đời người lâu dài nối nhau tồn tại. Sư mới đến núi ấy dừng ở chùa chánh quán. Có Pháp Sư Tăng Thuyên thọ học các Luận Đại Trí Độ, Trung Luận, Bách Luận, Luận Thập nhị môn, và các Kinh Hoa Nghiêm, Đại Phẩm, v.v.. ấy tức Di luân tạng bộ, nghiên tầm sâu mầu, nhả nghĩa mới tinh, ngôn từ bao hàm hoa quan, chuyên môn gượng học, thời khóa đốc thúc thân tâm. Có thể gọi là công thầy gấp bội, lấy đó làm chứng.

Đến tháng mười một niên hiệu Vĩnh Định thứ hai (năm trăm năm mươi sáu) đời Trần, Sư vâng sắc chiếu vào kinh đô, trụ chùa Hưng Hoàng, trấn giảng nối nhau. Do đó các Kinh Hoa Nghiêm, Đại Phẩm, Tứ luận văn ngôn mà các bậc hiền triết trước kia chưa giảng nói, chỗ mất dần của hàng hậu tấn, Sư đều chỉ trích nghĩa lý, nêu phát văn từ đến cùng, nên có thể lời nói khí độ trong sáng dễ hiểu, chúng thường đông hơn ngàn người, phước tuệ càng rộng lớn. Do đó, người nghe nhóm họp, co đầu gối rầy mồ hôi. Pháp y có hơn ngàn bộ cất chứa ban cho thường kết, mỗi lần lên pháp tòa thì một lần thay đổi y áo. Giảng nói các kinh luận trước mỗi thứ hơn hai mươi biến. Suốt hai lăm năm lưu nhuận chẳng dứt. Thời gian ấy dựng khởi bốn Bộ. Hoa Pháp Luân của hai cung, đương thời chẳng sánh lường.

Đến nửa đêm ngày hai mươi lăm tháng chín năm Tân Sửu, nhằm niên hiệu Thái Kiến thứ mười ba (năm trăm tám mươi một) đời Trần, Sư thị tịch tại phòng ở chùa, thọ bảy mươi lăm tuổi. Qua ngày hai mươi tám tháng chín, an táng tại đỉnh núi phía Tây Nhiếp Sơn trong làng La Lạc, huyện Giang thừa.

Ban đầu, Pháp Sư Tăng Thuyên cùng thọ học với Sư. Huyền Chỉ tỏ sáng, chỉ còn lại Trung Quán. Vì nếu chẳng phải tâm hội triết lý, thì làm sao có thể khế với thanh ngôn ấy, mà dấu vết rừng sâu vị Thiên cùng được. Mãi đến sau này bốn vị ra ứng phó, ba nghiệp giúp thừa. Xin theo thệ nguyện ban đầu, chẳng trả qua lời, mãi lâu sau mới giảng nói. Nên ngài Tăng Thuyên nói rằng: “Pháp này nhiệm mầu, hàng thức giả hãy thực hành, không để ra khỏi phòng mà liền có mở bày. Nên trong kinh có dạy: Người chấp ngã kiến, chớ nói kinh này. Người rất ưa thích pháp cũng chẳng vì nói nhiều. Bởi vì thuốc bệnh có, nhưng không thể lường thực hành. Sư vâng phụng ý chỉ chẳng dám nói gì. Đến lúc ngài

Tăng Thuyên thị tịch, bốn vị mới dám nói, đều tự chuyên oai dung, đều nắm thọ thân lược. Ngài Tuệ Dũng ở chùa Thiền Chúng, ngài Huyền Biện ở chùa Trường Can, Sư ở chùa Hưng Hoàng. Ngài Tuệ Bố trụ chùa Thê Hà ở Nhiếp Sơn, cửa thiền mở rộng, tiếng tuệ vang xa, nhưng tất cả đều chẳng cao hơn Sư. Ngài Tăng Biện thắng nghiệp sáng trong. Định tuệ đều nổi bật, nên Ngài giảng xướng gồm cả chùa Thiền Chúng, đó cũng lo sự dốc lòng mài giũa của ngài Tăng Thuyên. Nhưng về nghĩa thể thì có trái ngược so với Sư nên khiến bác bỏ trong pháp tòa ở chùa Hưng Hoàng, nương vào đó mà đàm tiếu. Còn hai ngài Tuệ Bố, Tuệ Dũng thì nên đọc xem ở biệt kỷ (Truyện riêng).

Xưa kia, ngày mồng bảy tháng sáu niên hiệu Thiên giám thứ mười sáu (năm trăm mười bảy) thời Nam Lương, Thần Tăng Bảo Chí có dự ghi tại chùa Hưng Hoàng rằng: “Chùa này sẽ có bậc khai sĩ mặc áo xanh mở mang giáo hóa giáo Pháp Đại thừa.” Và khi Sư du học thì ban đầu mặc áo nạp màu xanh. Khi lên nguyên tịch mới cùng phù hợp. Lại nữa, Nam Mạch cư sĩ Đổ Pháp Xán lúc tuổi ngoài tám mươi rất biết quy tâm, lúc xưa mộng thấy trong chùa có phướn hoa nhạc trời lấp cả điện đường. Pháp chúng tăng tục đông đầy cả diên tịch, đến lúc Sư đến mở hội. Ông (Đổ Pháp Xán) riêng thiết trai giảng, lại rất phù hợp. Lại nữa, Ngày mồng bảy tháng năm niên hiệu Thái Kiến thứ mười hai (năm trăm tám mươi), Tịnh nhân Trương Hạ mở trai mất rõ. Ban đêm, Sư gõ cửa thúc giục, mà tiếng hồng chung tự ngân vang hồi lâu mới dứt, nên điềm tốt lành ấy sớm hiện rõ. Các trường hợp được nêu bày như thế.

Đông Triều ở điện Trường Xuân, nghĩa tập Phó Quân Thân Diêu Ngọc Bính, thuật lại sự dựng lập nghĩa giả danh của các Sư, lấy đó làm vinh xướng. Đâu chỉ là các bậc Tông tượng của họ Thích, mà cũng là nghi biểu của trời người. Nên những gì Sư có được do đàn việt cúng dường đều sung vào việc tu tạo kinh tượng, sửa sang chùa tháp, cứu giúp kẻ cùng khốn nguy ách. Do đó, trong phòng Sư nuôi các loài ngỗng vịt, gà chó, v.v.. rất nhiều loài. Sư đi đến đâu hề trông thấy thì không loài gì chẳng đem về nuôi. Đến lúc Sư bắt đầu ngủ nghỉ thì đều im lặng không một tiếng động. Lúc Sư dạo chơi thì chúng kêu sủa om sòm ồn ào. Đó cũng là do sự hoài cảm mà nên!

Thị Trung Lãnh Quân Lô Lăng Vương tiếng tăm hưng thịnh, quyền hành nhờ nương giới ước, bèn ngưỡng tâu trình thừa hoa làm bài Minh tụng, Văn chí nơi mộ tháp Sư. Thái tử chiêm Sư Tế Dương Giang Tổng, nên Trần chúa có viết bài minh rằng:

“Nguồn lớn từ xa đến, truyền cỏ thơm phảng phất mùi hoa Huệ.



Quân tử, triết nhân, anh phân là tiếp nối. Cờ đỏ đã nắm, dây thao xanh bèn kéo dài. Tâm phục hổ nhưng ấn đỉnh nhị điều địch chế. Công đã bao gồm quân, nghiệp chẳng phải xuất thế. Giã từ thanh sắc kia, vượt khỏi bến bờ này. Bến bờ ấy sao xé phá rách võng lưới. Áo Nhẫn sớm ghi nường gá lâu qua đêm. Thuyền qua biển khổ ấy, cạn hết sông ái nầy. Nếu chẳng phải bậc Trí sĩ nầy thì ai có thể gởi cậy tuyên dương? Mây pháp trùm khắp, mặt trời tuệ soi sáng cùng. Đã quấy ngang mái chèo tự mở vàng nóng, mộng bằng trống nói, ứng dị chung sương. Biết cơ biết mạng, đồng kia hiện bệnh, tâm sớm gá theo, độ thoát khó xong, hoá duyên đã vậy mới yên định nơi khôu tỉnh. Đuốc trí chột tắt, núi đỏ xa ở Liêu hạ. Liêu hạ không nhỏ vẩy rơi ngấm lạnh. Tiếng đàn thừa dưới ánh trăng mờ, sương mốc phủ mờ gốc thông sâu. Hương tán cùng phần mộ cuộn quanh rừng ngủ. Thiết tha tiếng sáo trong, xa xa vọng tiếng trống, khói miền quê phủ bốn phía, cùng tiếng chim đơn lẻ gọi kêu. Gió thê lương rít lên dứt dòng vội phát lạnh. Thần thức về cõi tịnh, hình hài trầm lắng trọn ngàn xưa. Khắc chút hương thơm này lên phần mộ, để tiêu biểu cho lan xã.

**3/- Truyện ngài Thích Tuệ Dũng trụ chùa Đại Thiên Chúng, ở Dương Đô.**

Thích Tuệ Dũng, họ Hoàn thị. Tổ tiên Sư là người Long Kháng thuộc Tiều Quốc. Ông nội Sư làm Pháp Thức Thượng thư Ngoại Bình Tiên Đường Lệnh. Nhân đó ẩn vết ở núi Hồ Khâu, sau đó lại dời đến ngụ ở làng Hoàn; làng Đông, huyện Ngô, quận Ngô. Cha của Sư dưng hiến tuổi trẻ sớm qua đời. Mẹ của Sư họ Trương, Bà năm mộng thấy đích thân đến chỗ tháp Phật, được hai pho tượng Bồ-tát bằng vàng. Bỗng nhiên Bà sinh được hai người con trai, và đều xuất gia nhập Đạo từ thuở bé. Người con lớn tức là sa-môn Tuệ Thông, còn Sư là con thứ.

Ban đầu, Ngài ra Dương Đô, nương tựa Pháp Sư Tắc chùa Linh Diệu làm Hòa-thượng, nhuệ chí thiền tụng, nuôi thân bằng rau cải. Tỳ phương thọ học, chẳng việc chuyên môn. Há chẳng phải Bả vàng thành vật báu, gang sắt ngọc bích có đẹp hẳn phải đợi do công giữa mài. Năm Sư thọ giới cụ túc, bèn nương tựa Luật Sư Phong ở chùa Tĩn Chúng, học Luật Thập Tụng. Có các Sa-môn Tăng xước ở chùa Long Quang, Pháp Sùng ở chùa Kiến Nguyên đều là những bậc đạo hạnh thanh tú, trong nước, tiếng tăm vang xa, phạm hạnh khuôn mẫu, Ngài nương tựa thọ học Tông Thành Thật. Khắc tình mài giữa, bỏ ăn quên mệt nhọc. Khổ nghĩ đến hầm hố đắm chìm, lo rơi lạc vào đó. Trải qua



thời gian không kể nóng lạnh, tập học rộng khắp mà thành đạt.

Đến năm ba mươi tuổi, Sư bắt đầu xoay bánh xe chánh pháp. Từ đó, mọi người khắp nơi xa gần tìm đến rất đông, mở lớn trường giảng. Cao gần Thượng kinh, người nhóm họp rất đông. Sư chuyên giảng luận văn gần cả mười Biển. Không bao lâu cuối thời Nam Lương sụp đổ, mọi người có trăm thứ biến đổi. Sư thường nghĩ muốn trốn lánh cuộc đời nhưng chẳng biết về đâu!

Bấy giờ tại Nhiếp Sơn, Pháp Sư Tăng Thuyên đang nắm thẳng Nhất thừa hoàn hành xuất thế. Tùy có dẫn ngộ, Sư có nguyện muốn nương theo đó. Sư đến trước chùa Báo Ân, bỗng nhiên thấy một người bảo là từ Nhiếp Sơn đến và trao cho Sư gậy trúc Như Ý rồi nói rằng: “Sau này sẽ được như ý!” bỗng chốc biến mất. Vài ngày sau lại có một chiếc hòm sơn đựng một bộ Tam luận đặt ở trước cửa sổ phòng Sư. Sư tìm xem chẳng biết từ đâu đưa đến. Sư vui mừng có được điềm tốt lành ấy, xét soi mạnh dạn cảm thấy khó kham nhận, nhân đó, Sư phẩy áo bỏ xóm làng, gá lời cùng suối đá, mong Thần thầm hợp, chẳng ngóng bạn cầm đài. Tu tập không tuệ, thật truy tìm gió của rừng xa, bèn đến dừng ở tại chùa Chỉ Quán, sớm tối khăng khái như vậy. Pháp sư Thuyên quen cả phân biệt tuổi tác, nghĩa gồm thầy bạn. Đó cũng là cung và vũ cùng hài hòa nhau, là chí Ngoại lam đãi ích. Từ đó, Ngôn Văn Chương Cú, hái gặt những điều nhiệm mầu ít có. Hễ giải thích kinh, thì không gì chẳng bao gồm nêu bày. Đại Pháp được truyền rộng thật là nhờ đó.

Đến niên hiệu Thiên Gia thứ năm (năm trăm sáu mươi bốn) đời Trần, Thế Tổ Văn Hoàng (Trần Xuyến) thỉnh Sư đến giảng ở điện Thái Cực. Trăm phép đều bày, bảy chúng đều hợp, mọi người đều kính ngưỡng trông xem đạo phong, tiếp gót cùng đến theo hàng lớp, cùng nghỉ gá bóng thành đông. Từ đó, tiếng tăm Sư vang vọng rất xa. Sư trụ chùa Đại Thiên Chúng suốt mười tám năm. Đến lúc Sư xây dựng giảng đường, môn nhân thỉnh chúng cùng dựng xây không mấy ngày. Sư xây dựng mái cao, mở mang rộng lớn sáng sủa. Đề hiệu là “Bát-nhã Đường.”

Đến ngày hai mươi tám tháng năm niên hiệu Chí Đức thứ nhất (năm trăm tám mươi ba) đời Trần, Sư bị bệnh, qua thời gian ngắn, vào một buổi sớm mai, Sư thị tịch, thọ sáu mươi chín tuổi. Lúc Sư tịch, thần sắc không đổi khác, trải qua một đêm mà trên đỉnh đầu vẫn còn ấm. Đại chúng đều lấy làm lạ. Qua ngày mồng sáu tháng sáu, an táng tại đỉnh núi ở phía Tây Nhiếp Sơn.

Lúc còn sống Sư giảng các Kinh Hoa Nghiêm, Niết-bàn, Phương

Đẳng, Đại Tập, Đại Phẩm, v.v.. mỗi thứ hai mươi biến. Các luận Đại Trí Độ, Trung Luận, Bách Luận, Luận Thập nhị Môn. Mỗi thứ ba mươi lăm biến. Ngoài ra còn có các Kinh Pháp Hoa, Tứ Ích, v.v... vài bộ nhưng không ghi chép. Lại nữa, Sư sớm xả bỏ thân ái, ốm yếu mà trong sạch tiết chế. Văn chương thanh biện cao vợi ở đương thời. Đến nỗi mở tay mở chân mà chẳng đen chẳng thâm, thật là rường cột của thời Tượng giáo, là rừng rậm tinh nghĩa. Các Đệ tử nhớ nghĩ lễ thầy trò, bèn khắc bia đá tưởng niệm. Văn bia đó do Trung Thượng thư lệnh Tế Dương giang Tổng soạn.

***4/-Truyện ngài Thích Bảo Quỳnh trụ chùa Đại Bành thành ở Dương Đô.***

Thích Bảo Quỳnh, họ Từ, vốn người xứ Đông Hoàn, vì lánh nạn nên giã từ đất Cử, sau đến ở huyện Tỳ Lăng Khúc A. Ông nội Sư tên là Ung; làm Hữu Quân thời nhà Tề. Cha của Sư là Tăng Đạt; làm Lâm Xuyên Vương Tư Nghị, đời Lương. Đều là những vị khí cục cao vợi, kính vâng Nho tố. Sư thân cao bảy thước năm tấc, trên vai có dấu vân rồng, miệng có ba mươi chín chiếc răng. Dị tướng kỳ lạ vượt trội khác thường, nên hay suốt kinh phong thái, chứa đủ oai dung, không áo quần xiêm gấm, mừng vui với y phục đơn sơ.

Ngài xuất gia từ thuở nhỏ, kính thờ sa-môn Pháp Thông làm thầy. Ngài Pháp Thông lúc mới gặp đã liền ngợi khen mến quý, rất cho là Đạo khí. Chẳng sai sứ hầu phục ân cần. Năm qua Chí học, Sư muốn bảm học giáo nghĩa với Pháp Sư Pháp Vân ở chùa Quang Trạch, chỉ vì kinh tạng vut cao, lời tiếng thật vọt nhẩy, mà Sư không ngại, chạy nhẩy nhả dầm rộng xa, trộm nghĩ văn từ dồi dào, kiêm đề xứng cao vợi. Sư lại dời đến nghe Pháp sư Tiên ở chùa Nam giản giảng dạy, nghiên cứu tinh yếu số vận, danh mở sáng suốt, thấu cùng nghĩa sâu, Pháp Sư Tiên có lần nhìn Sư mà riêng dự nghi ba lần tán thưởng. Sau đó, đang lúc trên tòa cao khuyên khắp mọi người cùng biên chép, từ đó môn đồ đệ tử truyền nhau biên chép số ấy.

Năm mới thọ giới cụ túc, Sư đã có tài năng đáp thuật. Chưa tới năm năm đã được làm Pháp Chủ. Sư cùng với Pháp Sư Tiên mở mang giáo hóa thanh hành. Vua Võ Đế (năm trăm lẻ hai-năm trăm năm mươi-Tiêu Diễn) thời Nam Lương là người thông suốt tất cả Diệu Chỉ của Tam Giáo, Vua chọn thỉnh các bậc Danh đức phân ra đi mở mang Đạo pháp khắp các nơi. Với Cao nghĩa của Sư bèn được chọn ở tâm Vua. Vua ban sắc luân chỉ mời Sư vào điện Thọ Quan. Nhưng vì lời

trọng rừng tốt, lại xem nhẹ mây các, tiện đó, Sư khước từ trở về quê hương trụ chùa Kiến An. Thượng Hoàng Hầu Hoa phân trúc bang ấy thường rất tôn kính Sư, lại gồm cả tình thầy bạn. Một buổi sáng tại quận ấy mọi người già trẻ cùng ồn ào đua nhau bảo rằng: “Tại chùa Kiến An có rồng trắng xuất hiện”. Bèn đua nhau tìm đến chùa thì chỉ trông thấy Sư đang giảng. Có những kẻ sĩ nhận biết lấy làm lạ mà nhắm vào Sư, bảo là “Bạch Quỳnh”. Vốn cùng giận tử Chu Hoàng Chánh sớm tỏ bày chẳng nghịch. Ông ấy chợt thốt lời rằng: “Thật là bậc tài tuấn ít có trên đời mà chẳng ở chốn kinh đô mở bày dẫn dắt, cưỡi bè than thỏ, khiến người an ủi lớn!” Sư vì Học chúng thỉnh nên trở lại chốn kinh đô, khai giảng Đề luận Thành Thật. Có sa-môn Tăng Chánh Tuệ Linh thiết nạn liên hoàn. Sư bèn từ từ phẩy phát trần thông dong mà đáp. Ngài Tuệ Linh mới dẫn lời hỏi lỗi khi xưa của Viễn Công rằng: “Chẳng nhanh mà chóng, cái thoi làm sao?” Sư đáp: “Chẳng nghĩ tạo nghiệp, đâu được tinh chắc. Ngài Tăng Linh nhẹ bớt cử chỉ, nhã nhận ngôn từ, khách chủ cùng mừng vui rất thêm xứng thưởng.

Lúc tuổi về già, Vua Võ Đế (Tiêu Diễn) chỉ chuyên việc huân tu. Các hàng Thần hạ nép mình theo phong hóa, lời chân tình quạt mát thế tục. Tấn thân người học thấy gồm cả văn nghĩa. Do đó, thường khai giảng giáo lý các kinh Duy-ma; Niết-bàn, Đạo trùm cả dưới tòa, ân đượm cùng thượng tịch, mở gò má, răng bén nhọn, lưỡi gỗ, ngà nhọn sắc. Tài Tuấn bao la, khởi theo sương móc bốc lên, cũng có ngọc sáng, gió điều cuộn xanh, kéo xe ngựa tía tràn ngập đường chùa, áo mào trùm cài đầy khắp pháp tòa. Sự hưng thịnh cảm vật của Vua Võ Đế ít người có được như thế. Còn như Mậu Quán Dân vinh dự rất trọng, Nhâm Hiếu cung phong phú bút từ mà đều tay cầm quyển xét nghĩa nên thỉnh nghiệp. Nhâm hiếu cung nghỉ bỏ mưu sống ở đời, chỉ rau cải tham học. Về sau, Tấn Anh Hoa cũng theo cha đến nghe giảng, riêng khéo hiểu sâu huyền nghĩa, nên Sư bèn vì giảng Kinh Niết-bàn, truyền bình chẳng mất. khi ấy mới chứng nghiệm. Vẫn chưa nhập đạo mà vô thường đã đến. Vài hôm sau, trên đỉnh đầu vẫn còn ấm, ba ngón tay co quắp lại, lại cùng các vị trời bay đến nơi nhà ở, cùng với cha đàm nói rõ ràng như còn sống, ngợi khen công hạnh xuất gia, xưng dương Pháp lợi. Không bao lâu thì bay bổng lên hư không mà biến mất. Còn lưu lại mùi hương ở nhà qua ngày sau mới hết. Nên biết kia đây khác người mà cùng làm học chúng. Thật khó lường biết bốn lượng ấy.

Đến lúc nhà (Hậu) Lương sụp đổ, nhà Trần dựng xây cơ nghiệp. Vua Võ Đế (Trần Bử Tiên năm trăm năm mươi bảy-năm trăm sáu

mười) tôn sùng Chánh pháp, thưởng thức Đạo vị sâu xa. Nhiều lần dẫn lời vàng từng mở ngọc điệp ban lời nói cười thuần quen tìm hỏi danh lý. Mùa Hạ niên hiệu Vĩnh Định thứ ba (năm trăm năm mươi chín) đời Trần, ở tại Điện Các Trùng Vân, Sư giảng rộng Kinh Đại phẩm, mộng thấy vị thần mặc áo đỏ đến lễ bái mà can ngăn rằng: “Bát-nhã rất khó, kính mong giảng nhanh. Nhiều lần, chuyển giảng vài từ vượt đến.” Tối ngày mộng mười tháng bảy, Sư mới bạch với chúng tăng rằng: “Đêm trước có vị thần đến thúc giục kinh giảng còn lại một quyển. Năm trước lấy xin giảng xong, vừa ra cung điện sấm bão đã vang ầm. Lại trở về vừa mới đến chùa thì mưa chột lạnh. Mây sấm chấn động cùng một lúc đều tan biến. Há chẳng phải người tốt giảng pháp, u minh kính trọng?” Đến lúc Vua Võ Đế băng mới biết lời cảnh báo trước.

Vua Văn Đế (Trần Xuyên năm trăm sáu mươi-năm trăm sáu mươi bảy) soạn lịch, lễ khác càng sâu xa, ban sắc ty luân thỉnh Sư làm kinh ấp Đại Tăng Chánh. Sư hết lòng khước từ mà đôn đốc khuyên dụ càng lớn. Sư bèn nhìn lại đức Nhân giúp cho khuôn phép mọi vật, bèn về đảm nhận lấy, nhưng vì Kim Lăng là chốn đô hội, là nơi y cứ các Triều tông, chùa chiền nhiều như rừng, nghĩa diên dường chợ. Năm Bộ sáu quận quả thật tập hợp xen tạp, chỉ điều nước sữa, hòa ít muối mơ, phần nhiều là voi sa lầy, rớt cuộc làm cây khô. Sư bèn trấn giữ, đem vô vi mà an ngự. Chương Cấm chẳng phiền mà ngăn phạt thường tỉnh xét. Nên Tăng ni kính ngưỡng đó mà tự trang nghiêm. Đạo tục khen ngợi mà càng thêm cung kính. Nhật dụng thường ngày của bảy chúng mà chẳng biết, bốn phương xa xôi kính trọng đạo phong mà chẳng đủ. Nên được Pháp vị làm chủ lâu dài, tìm dấu mà không vết. Sư từng tấu trình Biểu Văn xin thối chức nhưng lại càng thăng. Trước sau chỉ khiến ở tại ấy. Từ đời Lương về sau, Sư là vị tăng đảm nhận trách nhiệm un đúc oai nghi. Phụ giúp giữ gìn bảo vệ các bậc Vương Công. Đượm nhuần tốt đẹp bày khắp cả Trịnh Sở, nên khiến cho nước chảy soi chiếu trên đường cái. Lại tốt tuyên bày ở Đường vũ. Từ lúc Sư đến chóng bỏ thể thức trước, tự tạo dựng linh thọ chỉ theo Tức từ, Pháp phục hoại sắc che thân, đồ ngồi ni-sư-đàn nâng gối. Lặng lẽ như vậy, dấu có Địa vị vẫn như không, từ chốn triều đình đến vùng dân dã đều mừng vui sự trong trắng của Sư. Những người đồng bạn ngợi khen Sư sống đúng như Pháp. Các nước ở hải Đông đồ vẽ hình tượng Sư đem về rất nhiều, tôn thờ lễ bái kính ngưỡng từ xa. Người xưa có nói: “chẳng phải nổi tiếng để được khen, ai động đến phương khác?” Sư đối đãi với người Hiền như thế.

Đến ngày hai mươi tháng hai năm Giáp Thìn, nhằm niên hiệu Chí

Đức thứ hai (năm trăm tám mươi bốn)- đời Trần, mới biết không yên vui. Pháp Sư Bảo Quỳnh ở chùa Kiến Sơ là bậc ngầu đối của đương thời, ít người cùng học, tiếng tăm đức hạnh đều vang xa. Đêm đó, vị Thần bồng đến báo với Sư rằng: “Sa-môn Tăng Chánh (Bảo Quỳnh) ở Chùa Bành Thành nay đã Vô thường!” ban ngày, Sư mộng thấy trên trời có đưa sớ đến thỉnh giảng. Đến ngày hai mươi tháng ba, Sư giữ chánh niệm mà cáo chung, răn dạy việc hậu sự an táng chớ bày phiền toái, dựng lập Bia Văn Minh Chí. Sư thọ tám mươi một tuổi.

Hậu Chứa (Trần Thúc Bảo) có ban sắc viếng điệu an ủi. Mọi sự cần dùng trong lễ tang thầy đều cung cấp. Bèn đem các thứ nghi vệ của nhà vua để làm trang hoàng nghiêm sức, thật là điều ít có từ xưa đến nay! qua ngày mồng năm tháng bốn, an táng tại phía nam Chung Sơn; nơi tháp mộ xưa của các bậc Danh tăng. Bấy giờ, khắp các nẻo đường mọi người nghẹn ngào khóc thương, cùng đua nhau tìm đến, các hàng tăng tục kinh ngỡ than tiếc, nơi vùng biên ải đồng quê đều biến sắc!

Ban đầu, Sư mới đến kinh đô, cùng vào Pháp tịch, đã không ai biết, nên chẳng có được phòng ở. Sư bèn cầu xin Sa-môn Tăng Chánh Tuệ Siêu gọi cho ở chùa Nam Giải. Khi mới nghe, ngài Tuệ Siêu chưa chấp nhận, nhưng khi trông thấy Sư thì liền kinh lạ bảo rằng: “Gã thiếu niên này về sau sẽ tiếp nối ngôi vị hiện nay của ta, là nơi giao phó pháp-môn, sao lại lo không phòng ở? “Bèn bảo Sư làm giềng mối trong chùa, vui vẻ sắp đặt. Đến lúc Hiếu Tuyên Văn Đế (Trần Xuyên năm trăm sáu mươi-năm trăm sáu mươi bảy) thỉnh giảng, Thái tử thường đón rước, thường thấy vị thần hình tướng cao lớn hùng vĩ, âm thầm theo phụ giúp. Và lúc cuối cùng Sư vì Đại tướng Quân Chương Chiếu Đạt mà giảng pháp, cảm thông cũng như vậy, lại chẳng thể lường biết được! Nhưng Sư đức hạnh nồng hậu dung thứ mọi người, kêu gọi nhún nhường kiệm ước, đi ở không trái nghịch, lời nói việc làm không phải chọn lựa, khắc trang chẳng nghĩ, chăm chăm giảng đạo, nói lời xa lớn, phát nghĩa rõ ràng. Hoặc lúc gặp tay kinh địch là gặp chính mạng, vậy cánh quạt mỏng rưới đã tiêu tan. Nên Sư thật có lắm Đồ chúng mà đều vâng thuần không đánh đấu. Đến lúc về già, tăng chúng trông mong càng trọng, Sư cư xử càng nhẹ, chỉ ở nơi vắng lặng không thiết bày, chẳng đặt để các thứ nghiêm sức, những vị có tuổi tác đến tham yết, tăng tục đông nhiều kể sất vai. Sư tìm phương tiện đi nơi khác để lánh sự cung phụng vinh hạnh ấy. Đó có thể gọi là quen lờn với người đời mà vẫn nhàm không, bó buộc hiện còn mà vô sự. Lại là chỗ chí lý của bậc Thánh, lời nhiệm mầu của khai sĩ. Trăng rơi tham hoành, thanh tụng không buông lung,

Sư lại phải đốt đuốc chong nhang phảng phất lễ sám mới tiêu. Vết tích biếng lười, tâm siêng năng, ngoài hòa đồng, trong bí nhiệm. Những lúc rảnh việc tuyên dương, Sư chậm rãi nhàn rỗi. Sư tham cứu Huyền nho, thấu suốt cùng tử sử. Giỏi viết chữ Triện chữ lệ, hiểu rõ mọi vật, nắm bắt cao huyền, đều vào tánh linh tất cả cùng gồm hợp. Lại có thể gọi là quấy nhiễu mưu lớn mà không bỏ sót Đạo nhỏ.

Sư giảng các kinh luận như: Luận Thành Thật, gồm chín mươi mốt biến, soạn Huyền nghĩa hai mươi quyển, giảng Văn ha mươi biến, soạn văn số mười sáu quyển, giảng Kinh Niết-bàn ba mươi biến, chú số mười bảy quyển. Giảng kinh Đại Phẩm năm biến, soạn số mười ba quyển. Ngoài ra, còn có Đại thừa Nghĩa, mười quyển, Pháp Hoa, Duy-ma v.v.. các kinh đều có soạn Văn số, ở đây không ghi đủ, truyền bá ở châu áp. Có Sa môn Phổ Quang là cháu con người anh của Sư nương nhờ Phong huấn, bày nêu việc làm rõ ràng xác thực, nghĩ mến mộ thờ bình thường xưa kia của Sư, nên tìm xin theo Sư vĩnh viễn, bèn cùng bạn đồng học là Sa-môn Đạo Trang và Minh Giải lập văn bia tại Thành cũ ở Kim Lăng. Văn bia ấy do Sa-môn Thích Pháp Luận ở Đạo tràng Tuệ Nhật soạn.

Sa-môn Đạo Trang nhập thất mà nổi tiếng, việc này thấy trong biệt ký, sa-môn Minh Giải lên giảng đường để lại vinh dự, tiếng tăm, Vương Lãnh Giang Đô, đến cuối đời Tùy, an nguy thế nào không biết.

#### **5/- Truyện ngài Thích Cảnh Thiệu trụ chùa Bạch Mã ở Dương Đô.**

Thích Cảnh Thiệu, họ Nhan, người ở xứ Thượng Ngô thuộc Cối Kê. Vừa năm đi học thì Sư xuất gia vào Đạo, tôn thờ Sa-môn Tăng Quảng, là người chú của Sư làm thầy. Ngài Tăng Quảng luật hạnh tinh nghiêm, là bậc lãnh tụ của đương thời.

Bau đầu, Sư đi đến thành đô nghe giảng, nhờ đó có được khả năng đàm luận. Đến năm hai mươi tuổi, Sư bèn trở về quê thọ giới cụ túc. Ngài giữ gìn kính tin như tay bưng bát dầu, có sa-môn đạo Lâm thỉnh Sư ở lại quê nhà, bỗng nhiên mộng thấy tướng lười Sư rộng dài, mà lại như muốn sắp đứt. Đến lúc thức giấc mới suy nghĩ sâu xa. Lưu luyến ấy trở thành rơi mất, bèn hổ thẹn sám hối lời thỉnh trước mà trở lại khuyên Sư đến thành đô để mở rộng Pháp hóa, truyền nói ngọn đèn sáng không để dứt. Sư bèn đến chùa Trang Nghiêm kế thừa Đạo nghiệp của Sa-môn Tăng Mân. Kế đến, Sư thọ học với Sa-môn Tăng xước ở chùa Long Quang, đó mới là chi nhánh của Sa-môn bảo Quỳnh ở chùa Khai Thiện. Sư lại tham tâm học tập ba Tạng, bao gồm các tông phái.



Năm hai mươi ba tuổi, Sư giảng kinh Đại Phẩm, Pháp vị đượm nhuần đương thời, mọi người kê vai chen chân đây đường tìm đến. Sau đó, Sư trở lại các chùa Kiến nguyên, Tấn Lăng v.v.. giảng nói Kinh Luận, gồm cả các tông. Sư lại phát nguyện. Năm bốn mươi tuổi mới trở lại giảng dạy, mà học chúng cùng nhau đóai hoài, Sư không giữ nổi sự kính chuộng ấy. Năm ba mươi chín tuổi, Sư về làm giảng chủ ở chùa Kiến nguyên, lúc sắp thị tịch có để lại Di chúc truyền pháp, nên nên Sư phải vâng theo sự sắp bày khác mà ngồi diễn giảng. Thính chúng đến thọ học đông vượt cả hoài bảo của thầy. Lương Giản Văn Thiệu Lăng và Nhạc Dương v.v.. rất khâm phục kính trọng, quy hướng vâng thừa sự dạy răn của Sư.

Vì theo ách nạn, đời sau đời tình nổi trôi, Sư bèn dời sang ở Dự Chương, cùng thông đạo nghiệp. Bấy giờ, gặp Hoàng Tư Không ở Dự Châu v.v.. vốn có tâm kính ngưỡng, nên cầu thỉnh Sư làm Giới sư. Ngài gặp được Sa-môn Tam Tạng Pháp Sư Chân Đế; người Ấn-độ, là bậc thấu suốt bao gồm giáo điển Đại thừa, Tiểu thừa, vừa tự thực hành lại vừa nhiếp hóa người khác. Mới gặp một lần mà mừng vui đàm luận với nhau. Ngài Chân Đế ngợi khen rằng: “Tôi đã đến nhiều nước, mà ít được gặp người như vậy!”. Bèn dừng ở tại đô thành Dự chương, phiên dịch Tân Kim Quang Minh, và Luận Duy thức, kinh Niết-bàn, Trung Luận Bách Cú, Trường giải thoát thập tứ âm, v.v.. Sáng trao chiều truyền, tối nghe sớm lại giảng nói, nên người đời có lời trao truyền rằng: “rót vào bình rồi lại trút ra”. Coi Sư như Ngài La-thập tái sinh.

Nhạc Dương Vương lập ngôi tại Kinh Châu, sai sứ đưa thư xa đến muốn đưa rước Sư đến Sở Đô hoàng pháp. Vì nghĩ nhớ sự sâu nặng của Báo Địa, lại ban sắc thỉnh mời, Sư bèn trái ngược. Đến đời Trần, Vua Võ Đế (Trần Bá Tiên năm trăm năm mươi bảy- năm trăm sáu mươi bảy) kế thừa sự nghiệp, đều kính chuộng chánh pháp, ban sắc thỉnh Sư trở về lại thành đô, vâng thừa kính ngưỡng phép tắc giới luật, giữ lễ ưu hậu càng lớn.

Niên hiệu Thiên gia thứ tư (năm trăm sáu mươi ba) đời Trần, tại Cối kê có các sa-môn Tuệ Tảo, Đồng Thái, Tuệ Luân v.v... hơn hai trăm vị, liền thỉnh Sư đến giảng Đạo tại chùa Bạch mã. Sư mở mang, truyền trao giáo hóa có hơn mười năm. Đã lên đó là thuận, Sư bèn bảo Sa-môn Tuệ Tảo tiếp tục giảng nghiệp. Tự thân Sư sang Ngõa Quan yên tọa một thời gian ngắn, thực hành pháp môn sâu mầu.

Bấy giờ, có Sa-môn Trí Khải là bậc có đỉnh tuệ khó ai vượt hơn, nhân thân rất liều lượng, tinh thần bén nhạy mọi việc v.v.. Túc thành,



cùng các người học trước từng thỉnh Sư giảng lại, Sư lưu ý lâu dài, bèn lấy cơ bệnh mà từ chối Sư. Ngài lại vì Tâm An Điện Hạ Hoàng Tư Không v.v.. cùng chư tăng ba lần thỉnh mời chẳng từ chối được, ân cần chuyên chú. Nên Sư đến Vương phủ lược giảng Kinh Duy-ma, đến chùa Long Quang giảng rộng luận Thành thật, cũng chỉ được vài năm bèn đều thành các trưởng học. Sư chưa già suy mà đã có ý chí muốn trở về với núi rừng, bèn vào u nham để sống với sự yên tĩnh hơn mười năm.

Đến giữa trưa ngày mười một tháng mười niên hiệu Chí Đức thứ nhất (năm trăm tám mươi ba) đời Trần. Sư nằm nghiêng hông bên phải, thần lực lắng đọng an nhiên, Sư thị tịch tại chùa Khai Thiện, thọ bảy mươi sáu tuổi. Qua ngày mười sáu, an táng tại núi Độc Long thuộc Chung Sơn.

Ngài giảng Luận Thành thật hơn năm mươi biến, giảng Kinh Niết-bàn ba mươi biến, giảng Kinh Đại Tập mười biến, Giảng Kinh Kim Quang Minh tân dịch hơn ba mươi biến. Giảng các Kinh Duy-ma, Thiên Vương, Nhân Vương, v.v.. rất nhiều biến, bởi rườm rà nên ở đây chẳng ghi chép nhiều.

#### ***6/- Truyện ngài Thích An Lãm trụ chùa Kỳ Xà ở Chung Sơn.***

Thích An Lãm, họ Tần, là con cháu đời thứ bảy của Tấn Trung Thư lệnh Tĩnh. Gia đình Sư ngụ tại Huyện Lợi Thành thuộc Giang Âm. Cha của Sư là Chánh, khéo nghĩ theo huyền, vui tâm vắng lặng, bèn soạn sách “Nhập Thân” ba quyển. Đạo Thanh Ô không gì chẳng truyền tốt lành. Sư tuy bé nhỏ mà thông minh đỉnh ngộ, khác đồng bạn. Năm Sư mười ba tuổi, riêng gặp khó khăn, hiểu biết xa gần, dứt nước xương đứng. Mọi người nghe mà rơi nước mắt! Người xưa có nói “Biết con chính là cha” Sư mới năm lấy Điểm giáo, học nghiệp rất thông, mà tánh lại ưa thích Lão Trang, sớm thông đạt các kinh sử. Lại khéo giỏi kỹ năng của Thái nhất, hiểu suốt thuật của Tôn ngô. Do đó tài nghệ Sư rất lắm công phu, văn võ đã trong sáng, Sư bèn muốn vạch bày rậm rạp. Hối ẩn cửa tất, lỗ hồng ngọc khuê, mà Sư có tâm rộng rang cơ phát, hiểu ngộ quyền thật.

Năm hai mươi lăm tuổi, Sư cầu xin xuất gia, làm du phương tìm Đạo. Theo hướng Bắc, Sư đến nước Ngụy, tới chỗ Dung Công chùa Quang Dung ở Tư Châu, nghiên cứu tập học kinh luận. Dung Công dạy răn giới Luật, nghiêm trang bất động tạo thành pháp khí. Sư lại nghe Quang công trụ chùa Thiếu Lâm ở Tung Cao giảng Kinh Thập Địa. Nghe qua một lần, Sư lãnh hội chóng hết lời trước, vị sâu danh tượng

đều hết ý nghĩa. Sư lại thọ học Pháp thiên, thấy đều nghiên cứu Huyền Môn. Những người thỉnh nghiệp thường tỏ bày lợi ích rộng lớn. Sư ở tại đất Ngụy mười hai năm, giảng Luật Tứ Phần gần hai mươi biển, các kinh luận Đại thừa đều được trích dẫn.

Đến niên hiệu Thái Thanh thứ nhất (năm trăm bốn mươi bảy) thời Nam Lương, Sư mới đến Bành Bái, môn nhân ủng hộ đi theo về đến Dương Đô. Vua Võ Đế (Tiêu Diển) kính lễ cúng dường đón rước, ban sắc mời Sư trụ tại chùa Thiên An. Sư giảng Kinh Hoa Nghiêm, nêu đặt giềng mối rộng lớn, điều chỉ cơ hội. gặp lúc thời vận nhà (Nam+Hậu) Lương sắp hết, nên bán xe Chánh Pháp tạm dừng xoay.

Mãi đến lúc Nhà Trần trị vì đất nước, mùa xuân niên hiệu Vĩnh Định thứ nhất (năm trăm năm mươi bảy) Vua Võ Đế (Trần Bá Tiên) ban sắc thỉnh Sư vào Nội Điện, tự tay vua trao đưa hương hỏa, nâng chân rất mực chí thành, lớn nường thừa giới Phạm. Vua lại ban sắc thỉnh Sư trụ tại chùa Kỳ-xà, cấp giảng nối nhau. Đã hợp tâm xưa trước, Sư bèn vui vẻ ở đó lâu. Thế Tổ Văn Tuyên Hoàng Đế (Trần Xuyễn 560-567) lại thỉnh Sư vào điện Chiêu Đức, khai giảng Kinh Đại Tập. Sư nhạo thuyết chẳng cùng, lại thiết lập Pháp hội. Vua Văn Đế cùng đến dự nghe. Lại đến trong vườn Hoa Lâm, vua giữ lễ thầy trò mà học đạo. Sư xiển hóa thấm nhọc, nhân đó mà bị bệnh. Đến tháng giêng niên hiệu Chí Đức thứ nhất (năm trăm tám mươi ba) đời Trần, Sư thị tịch tại phòng, thọ bảy mươi bảy tuổi.

Hậu Chúa (Trần Thúc Bảo) buồn thương kính điếu, ban cấp mọi sự. Và cũng trong tháng giêng an táng tại núi phía Tây chùa Khai Thiện. Môn nhân Đệ tử thống thiết sự buồn xả của Sư, các hàng sĩ thứ mất nơi nương tựa.

#### **7/- Truyện ngài Thích Tuệ Bố trụ chùa Thê Hà ở Nhiếp Sơn.**

Thích Tuệ Bố, họ Hác, người ở xứ Quảng Lăng. Thuở thiếu thời, Sư đã có chí tiết cao xa, tánh độ ngang rộng. Năm Sư mười lăm tuổi, lúc ấy đang ở Giang Nam, nơi nhà cửa Tướng Quân. Bấy giờ, có Binh dịch, Sư bèn thề nguyện dẫn đầu năm ngàn người, làm Tướng thanh bình khải tái. Đâu chẳng quả quyết thế ư? Mọi người đều thấy lạ với lời nói lớn lao ấy. Sau đó không lâu, người anh ruột Sư qua đời. Nhân đó, Sư tỏ rõ cuộc đời chẳng thường, nghĩ muốn cởi mở lưới tục. Thân Quyết biết Sư có võ lực nên tất cả đều không chấp thuận.

Năm hai mươi tuổi, Sư mới được toại nguyện. Đã được xuống tóc xuất gia. Sư bèn đến Dương Đô, đến chùa Kiến Sơ, học Luận Thành

Thật với Pháp Sư Bảo Quỳnh. Hiểu thông được yếu chỉ giả thật, chỗ kết quy của vật nghị mà Sư hận chí lý ấy chưa trọn hoàn hảo. Vì tại Chùa Chỉ Quán ở Nhiếp Sơn có Pháp Sư Tăng Thuyên là bậc thông hiểu cao xa giáo nghĩa Đại thừa. Tiếng tăm vang vọng khắp gần xa, Sư bèn đến nương tựa nghe giảng Tam Luận. Học chúng ở đó có đến mấy trăm vị, đều là những vị tài giỏi, còn như thấu đạt thanh huyền, khéo biết luận chỉ đều không ai cao trội bằng Sư. Nên người đương thời gọi Sư là “Đắc Ý Bồ” hay “Tư Huyền Bồ”. Nên những điều nạn cật của ngài Tăng Thuyên, người nghe dường như hiểu mà lãnh hội thì còn mịt mờ. Và y lời nguyện thông mà gây cật nạn sơ lược. Đến nỗi, những lúc đàm luận thường có khách hỏi phải đợi có Sư để giải đáp. Người đương thời vì thế mà nói rằng: “Thuyên Công có bốn người bạn, đó là: Thấu suốt bốn câu có ngài Pháp Lãng, lãnh hội lời giảng có ngài Huyền Biện, tài giỏi Văn chương có ngài Tuệ Dũng. Còn Đắc ý là ngài Tuệ Bồ.” Sư thật xứng đáng đắc ý rất cao vời. Sau, trong Chương Thiện Đạt của Kinh Đại Phẩm, Sư ngộ giải pháp Đại thừa, phiền não điều thuận, nhiếp tâm giữ luật, oai nghi không bị dấu vết. Sư thường ưa thích ngồi thiền, xa lìa ồn ào náo nhiệt, thề không giảng nói, chỉ chuyên hộ trì.

Cuối cùng Sư đến Bắc Nghiệp lại dẫm qua điều chưa nghe, nên ở chỗ Thiên Sư Khả mà tạm thông được Danh Kiến. Bèn dùng lời nghịch ý ấy. Thiên Sư Khả bảo Sư rằng: “Pháp Sư đàm thuật, có thể gọi đó là phá trừ ngã kiến, chẳng qua là đây.” Sư bèn để tâm đến các giảng tịch, đầy đủ thấy biết Tông lãnh, trông xem khắp các văn chương đều đủ trong tay áo lồng ngực. Sư lại viết chương số sáu đà, mang trở về Giang Biểu đều giao cho ngài Pháp Lãng và bảo giảng nói. Nhân có sai sót, Sư lại sang nước Tề rộng biên chép sự thiếu sót ấy mang về giao cho ngài Pháp Lãng, riêng Sư không chứa để. Sư chỉ gìn giữ y bát mà thôi, chuyên tu niệm tuệ, riêng ở nơi tông lâm, lặng lẽ vượt ngoài đời, các người học đều khâm phục kính mến.

Sư thường đến chỗ Thiên sư Tư cùng bàn luận Đại thừa, suốt ngày liền đêm thấy chẳng ăn nghỉ, lý đặt càng sâu, lời thể chẳng dừng. Thiên Sư Tư đánh gậy sắt Như Ý lên bàn, bảo rằng: “Muôn dặm là không, không kể trí này!” Trong pháp tòa có hơn ngàn người đồng cất tiếng ngợi khen vui mừng. Sư lại cùng Thiên sư Mạc luận nghĩa, tức thầy của Mạng Công, qua lại suốt ba ngày chẳng dứt. Thiên sư Mạc dừng lại, ngợi khen Tuệ Ngộ của Sư xa khắp, khiến thân tiết hạnh hiển bày tốt đẹp.

Đến cuối niên hiệu Thái Thanh (năm trăm năm mươi) thời Nam

Lương, Hầu Cảnh làm loạn, khắp nơi đói kém trải qua nhiều năm. Sư đã suốt ba ngày không ăn, qua ngày thứ bốn, có người đem cơm tới dâng cho mà dường như có mùi thịt heo. Tuy trong lòng dạ như lửa đốt mà Sư buộc tâm chẳng chịu ăn. Nên gặp phải khốn ách ấy mà Sư chẳng dẫm vào phi lam. Sư lại bị chứng bệnh khí ở chân, thầy thuốc bảo uống củ kiệu, từ đó cho đến lúc thị tịch Sư thường bày tỏ tội ấy.

Hoặc thấy mọi người thích sinh về thế giới Cực lạc ở Tây phương. Sư bảo rằng: “Phương cõi mới tịnh, chẳng phải nguyện của ta. Như điều nguyện hóa độ chúng sinh nay nay đâu giống như ở trong Hoa sen mười kiếp hưởng vui, chẳng bằng ở trong khổ ba đường để cứu giúp!” Trong khoảng niên hiệu Chí Đức (năm trăm tám mươi ba-năm trăm tám mươi bảy) đời Trần. Sư thỉnh Thiền Sư Cung xây dựng chùa thê Hà ở Nhiếp Sơn, kết tịnh nghiệp đào luyện chúng tăng. Khắp giang biển đều suy tôn. Các bậc Danh Đức từ nơi xa tìm đến thọ bả luận chỉ. Bấy giờ, Sư vì khai mở thắc mắc, nghĩa lý tư tưởng sâu mầu. Chẳng làm thầy của tăng chẳng sai bảo những người ở địa vị dưới. Sư thường tự may vá giặt giũ. Ngày đêm sáu thời không thiếu sót, vừa mới gõ kiền-chùy. Sư đã ở đầu chúng, ngồi thẳng như cây đứng, người thấy mà ưa thích, tiếng tăm Sư sáng rõ vang xa, người đến thỉnh cầu bá yết đông như chợ. Trần Chúa cùng các Vương hầu đều thọ giới với Sư, kính thờ Sư như Phật.

Cuối cùng, vì tuổi già suy yếu, Sư chẳng thọ trai chung với chúng. Vua ban sắc cấp sữa bò để Sư dùng, mà Sư lại ban bố sung vào chúng tăng. Sư lo lắng cẩn thận, thật là bậc Cao tăng! Đến năm bảy mươi tuổi. Sư già biệt chúng Tăng rằng: “Tuệ Bố tôi mạng sống còn đến ba năm, năm năm ở đời, đều là già suy khốn đốn chẳng thể hành đạo. vậy sống ở đời đâu ích lợi gì? Tôi thường nguyện được sinh vào chốn biên địa; nơi không có Tam Bảo, để làm mọi Phật sự, mong các vị mỗi tự khéo sống và nguyện dốc hết sức lực mình!” Từ đó, Sư bỏ không ăn, lúc mang sống sắp dứt, Hậu Chúa (Trần thúc Bảo) ban sắc bảo thầy thuốc vào chẩn bệnh. Sư rút tay không chấp thuận. Thảm Hoàng hậu muốn truyền hương tẩm, Sư lại cũng không chấp thuận. Lúc sắp tịch, Sư di chúc rằng: “Sống hoài không mừng vui, tối chết chẳng âu lo. Vì sinh không thật sinh, diệt không thật diệt! Với các Học sĩ, đồ chúng tôi đều giao phó cho Thiền sư Cung, nên tôi không còn lo ngại gì nữa.”

Đến ngày hai mươi ba tháng mười một niên hiệu Trinh Minh thứ nhất (năm trăm tám mươi bảy) đời nhà Trần, Sư thị tịch tại chùa Thê Hà. Sau khi thị tịch, ba ngón tay của Sư co quắp lại, nắm kéo tuy có duỗi ra nhưng rồi vẫn co lại. Đến nỗi ở trong rừng một tháng sau vẫn

còn như vậy. Trước lúc Sư thị tịch trái đất rung chuyển liên tục. Sau đó bảy ngày Sư thị tịch. Lại nữa, lúc đưa nhục thân Sư vào rừng, đất núi lại rung chuyển. Thái Sử tâu rằng: “Ngôi sao của người đắc đạo diệt mất, đã đúng lúc.” ban đầu, lúc sắp tịch, Sư ở trước chúng bảo rằng: “Hôm qua có hai vị Bồ-tát đến đón rước tôi, một vị tên là sinh thân, một vị tên là Pháp thân, tôi đã chấp nhận. Không lâu sau đó có các vị trời lại đến đón rước, vì không nguyện sinh về cõi trời nên tôi chẳng chấp nhận.” Có luồng ánh sáng soi chiếu đến nơi phòng thất của Thiền Sư Khản. Thiền Sư Khản lấy làm lạ về ánh sáng rực rỡ ấy nên bước ra cửa trông xem, thấy có 2 người hướng vào trong phòng Sư mà không biết đó là bậc Thánh. Sáng hôm sau bèn đến kể lại, tự nhiên phù hợp. Nói xong, ngài ngồi thẳng mà thị tịch. Lại có người thấy quỷ, trông thấy phước đẹp đầy khắp chùa, ánh sáng soi chiếu. Chẳng thể lường biết, bèn vào trong núi xem mới hay là Sư đã thị tịch.

#### **8/- Truyện ngài Thích Vong Danh ở vị Tân.**

Thích Vong Danh, họ Tông, người ở Quận Nam. Sư vốn tên là Khuyết Đãi, ở đời nối dõi áo mào xứng làm vọng tộc.

Năm hai mươi tuổi, Sư lánh đời, dứt bỏ vợ con tỳ thiếp. Luôn ngâm vịnh tiêu sáo nơi hõm núi, tùy tình vui thú. Hễ chỗ cây nhờ thì làm người của Nguyễn Từ Tông. Lúc trưởng thành, Sư phong phú tài hoa, nức tiếng vinh dự với người làng, Sư làm việc, mà Vua Nguyên Đế (Tiêu Dịch năm trăm năm mươi hai-năm trăm năm mươi lăm) thời Nam Lương rất dùng lễ tiếp đãi. Sư có soạn Tân Văn, vua rất khen ngợi. Song, Sư vẫn giữ sự cung thận, từ kính liêm chính làm tâm. Sư thường theo Vua ngự diên ban hỏi ưu dị. Đến lúc nhà Lương không thể tiếp nối ngôi vị, Sư bèn ngâm chí nơi huyền môn. Xa giá xứ Mân Thục, thoát bỏ trần lụy.

Đầu tiên, Sư đến chỗ Thiền sư Đoái. Thiền sư Đoái cũng là bậc Định tuệ lắng sáng, tiếng tăm vang khắp quan nghiệp. Sư, dốc cả ba nghiệp mà nương tựa. Và bốn oai nghi cung thừa kính ngưỡng. Sư khắc chí gá nơi Thiền tụng, lo lắng đặt ở Thiên Thập. Có Học chúng tham dự hỏi Đạo, Sư chẳng hề mỗi mệt. Gặp lúc nhà (Bắc) Chu có được cơ nghiệp nước nhà, thiếu Bảo Thục Quốc Công Vũ Văn Tuấn trấn ở đó, trước mến Sư hiền tài, trọng quý đức hạnh trắng trong nên lễ cúng khác thường, tiếng tăm vang khắp Đài Tĩnh. Sau đó, Tề Vương nối tiếp Bộ, cung kính ngày càng thêm. Mãn nhậm trở về đất Ung, bèn khắc quy yết. Vua nhọc đưa sai đã sâu, mới đặt Sư làm Hạ Châu Tam Tạng.

Triều Tể cho rằng Sư là người Văn bút đáng noi theo. Vốn chẳng phải Huyền Lữ, mà thâm hợp với đức ở đời, sắp bày cao trội, xét về khí vũ nơi Sư thật có độ lượng của Kinh Quốc. Triều Tể đều bàn nghị, hoặc đem oai ân mà thêm đó, hoặc dùng tình khác để xoay chuyển. Nhưng Sư tao nhã sáng suốt vượt hơn mọi người, không hề đổi thay tiết tháo.

Tháng năm, niên hiệu Thiên Hoà thứ hai (năm trăm sáu mươi bảy) thời Bắc Chu, Đại Chủng Vũ Văn Hộ gửi thư đến Sư, viết rằng: “Nói nghĩ kính chúc chưa bắt đầu ngóng tích. Đạo thể thôi dự không thiếu lo ư? Bởi vì đấng Năng Nhân (Thích-ca Thế Tôn) xuất hiện ở đời là với chí nguyện cứu giúp. Chẳng phải trước luân hồi riêng chuộng tốt lành. Đã là Đạo thứ bậc, vừa sinh đã biết tài cao bảy bộ, đầu lống nhuộm đen, ngâm chảy theo đường. Chỉ là Linh quách Diệu lý, ba nghiệp đồng đến. Mong nghĩ không hai. Tăng tục chẳng cảm, ít có khai mở thiên chấp, ngại khen triều đại thời của chúng ta. Chẳng phải chỉ chân tục đều nhỏ sạch, cũng là đây kia đồng nhất quán. Nên bảo đến thừa trình, nhớ nghĩ báo đáp công ơn!”

Sư đáp rằng: “Thẹn nhục đầy đủ hoài bảo, nóng lạnh khác chỗ, vui khổ khác tâm. Thôi lược thường bàn nói, vả lại, muốn trình bày sự thật: bản đạo bẩm chất hèn kém, thường mắc bệnh đầu não, do đó cong lưng mà thành cung kính. Chí Đạo là chuyên, không hề dừng nghỉ. Nay năm mươi hai tuổi, từ khi xả bỏ tục duyên đến nay đã được mười lăm năm. Muôn dân trở về nước đều dừng nghỉ tại Đô ấp. Một vị tăng gây bệnh riêng dòng chốn hoang vắng. Không có tội để phạt, không khả năng để sai. Trăm (có lẽ là mười) lo, chín nghĩ là chỗ chưa dự được. Văn nhiều chẳng viết, lại bày sáu điều không thể, mười điều thôi nghỉ. Xin y cứ vào đầu mối sự tình mà xuyên suốt đuôi đầu. Lược bớt thư phần giữa, đến đoạn kết nói. Sa-môn giữ giới, tâm miệng tương ưng. Chỗ nêu bày sáu điều, như có một điều sai đối thì khi sống đây, trời xanh chán ghét, lúc chết thì kẹp sắt nhỏ lên, nấu nước đồng sôi rưới vào đó. Kính mong ba thứ ánh sáng soi chiếu đến năm tôi sáu mươi tuổi, chẳng xem thường nhà tối hướng gì đời sáng rõ. Vả lại, quê hương nước nhà tan tác đứt mất, bà con thân thích suy mất, bản đạo là hạng người gì mà riêng kham chịu lâu dài? Thật may được thấu nhật dẩu vết trong núi non, nhiếp tâm gạt bỏ bụi trần bên ngoài, nuôi dưỡng mạng sống dư thừa, thuần tuệ nghiệp. Đó là Bản ý của bản đạo! Gửi hình hài nơi tinh xá, đi khát thực ở Vương thành, tùy sức hành đạo, tùy duyên cảm hóa chúng sinh. Đó là chí nguyện kế tiếp. Nếu chẳng được như thế thì riêng ở nơi hõm hốc, làm sao có thể ở lâu hơn cõi Diêm-phù ư?”



Vũ Văn Hộ nhận được thư, hiểu được khó cất nhắc Sư, bèn gửi thư đón rước trở về, viết rằng: “Pháp Sư giữ tâm bền chặt, ở đi vượt ngoài đời. Huyền Khuê mở vận chẳng quật nổi tiết tháo của Bá Di, Thương Tinh được trải qua đầu tổn chí của Gia Tuân. Nay sai người sang đón rước Sư về đến Hàm Dương. Các hàng quý trọng đến yết kiến. Lễ lớn long trọng, phẩm vị nồng hậu càng thêm khác người thường. Để xứng chỗ gọi là rộng lưu tàng cảnh khó điều phục. Thế sẽ gá nghỉ gá huyền hậu Đức, tiện nhân phóng không lụy phiền!”

Do đó, Sư bèn soạn bài minh “Người Báu” rằng: “Tôi năm 15 tuổi mà mẫn chuộng Chúc Văn. Năm ba mươi tuổi lại quý trọng thế vị, gặp lúc chốn kinh đô rối loạn. Mủ miện nổi chìm, các hàng tri thức trong nước trôi nổi mất hết, bèn bùi ngùi than rằng: Hễ dùng sức lực để làm đảo lộn mặt trời, một sáng may đục suốt được sự bền bỉ của núi Đại Đá Bàn, bỗng lửa tắt mất, nên xét. Định biết tướng Đời là vô thường, sống nổi trôi luống dối. Thí như sương móc ban mai dừng đọng được bao lâu? Bậc Đại trượng phu lúc sống phải dẹp phục được ma, khi chết sẽ bố thí cho cọp đói. Nếu chẳng như vậy thì tu thiền đủ để dưỡng chỉ, tụng đọc kinh đủ để tự vui. Giàu sang danh dự khiến người khổ nhục! Bèn vất bỏ mũ trâm, cạo sạch râu tóc, mặc áo nạp, chống tích trượng nghe giảng đàm huyền. Nước nhà chiến tranh chưa thanh bình, ẩn thân không nơi chốn. Tự nhàm chán hình hài rất là trói buộc, nghĩ muốn dứt bật gốc khổ, chẳng biết đâu là bến bờ! Trong các Kinh Đại thừa nói: “Người đúng như lời nói mà thực hành, ấy gọi là Thánh. Chẳng nên chỉ nói ở miệng!” Trong các Kinh Tiểu thừa có bài kệ rằng:

*“Làm được nói là chánh,  
Không làm, làm sao nói?  
Nói được chẳng làm được,  
Chẳng phải là người trí.”*

Đến như Nhan Hồi ham học, siêng năng sửa đổi lỗi trước, Tử Lộ chưa tu sợ nghe lời sau. Công lao trí nhiều làm một tâm, thương tổn mạng. Vì Đạo ngày một mất, đâu cần biết nhiều, thế muốn như cây khô, thân chết thành tro than, giáng họa hoạn nạn ấy vì cầu vắng lặng.” Sư bèn soạn lời châm “Tuyệt Học”, đề tên là “Tức Tâm”, phỏng theo Triều đại Bắc Chu. Trong đó bài Minh đề rằng: “Pháp giới có người báu như ý, chín giam thân ấy, bài minh ấy nên viết: người nhiếp tâm xưa kia, răn đó ư? dạy đó ư? không lo nhiều, không biết nhiều. Biết nhiều thì nhiều việc không như ý, lo nhiều thì mất nhiều chẳng bằng giữ lấy một. Lo nhiều chí tán, biết nhiều tâm loạn. Tâm loạn sinh phiền



não, Chí tán chương ngại Đạo. Chớ cho là không thương tổn, khổ ấy dần vật lâu dài. Chớ bảo là không sợ họa ấy, như chiếc đánh nước sôi! Nước sôi trào chẳng ngừng, bốn Biển tràn đầy, mảy bụi chẳng phủ, năm núi sẽ thành. Phòng ngọn tại gốc, tuy nhỏ chớ xem thường. Đóng ngay bảy lỗ, bít cả sáu căn. Chớ nhìn ngấm sắc, chớ lắng nghe thanh. Nghe thanh thì điếc, thấy sắc thì mù. Một văn một nghệ như con ong nhỏ giữa hư không, một kỹ một năng như ánh đèn đơn lẻ giữa ban ngày. Anh hiền tài nghệ thật là ngu tệt. Xả bỏ thuần phác, đắm chìm hoang dã. Thức dưỡng như ngựa để rong chạy, tâm như vượn khó chế phục. Thân đã nhọc sai, hình hài hẵn chết mất, tà kinh trọn mê, đường tu lấp hẵn. Chẳng quý tài năng thì gọi là mờ tối, trác vụng tham khéo, đức ấy chẳng lớn. Danh đầy hạnh mỏng thì cao ấy chóng đổ, bày sạch mà cuộn bản dụng ấy chẳng thường, trong lòng kiêu căng, ngoài hiện oán tắng. Hoặc nói ở miệng hoặc viết ở tay. Mời người khiến vinh dự cũng là đờ bản cửa Khổng. Kẻ phàm cho đó là tốt lành, bậc Thánh cho đó là lầm lỗi. Thường vui tạm thời, buồn lo lâu dài. Sợ bóng hình, sợ vết tích, càng chạy thì càng dữ dội. Ngồi yên dưới tàng cây, vết tích mất bóng hình lặng. Chán sinh lo già, hễ nghĩ liền tạo. Nếu diệt tâm tướng, sinh tử dứt bật. Chẳng sinh chẳng tử, không tướng không danh. Một Đạo rỗng rang tĩnh lặng, muôn vật ngang bằng. Đâu hơn, đâu kém, đâu nặng, đâu nhẹ. Đâu tiện, đâu nhục, đâu quý, đâu vinh. Lắng trời thẹn sạch, ánh mặt trời hổ sáng, hẵn kia là tòa thành bằng vàng ròng. Kính tặng cùng các Hiền Triết. Đạo này Lợi lớn!”

Sư lại soạn “Luận Chí Đạo”, “Luận Thuần Đức”, “Luận Khử Thị Phi”, “Luận Ảnh dụ”, “Luận Tu không”, “Luận Bất sát”, v.v.. văn đều lẫm trong sáng, lời thường khuyên thiện. Chỉ chuyên giữ thực chất, bỏ văn hoa, chẳng còn lại phần mực. Có nhóm họp lại thành mười quyển, lưu hành hưng thịnh ở đời. Về sau Sư thị tịch không được rõ.

Sư có vị Đệ tử là Sa-môn Tăng Côn, tánh trầm lắng, giỏi về âm điệu, là Pháp Chủ của hai mươi lăm chúng tụng đọc kinh dưới thời nhà Tùy. Sư sưu tầm các sách vở, tham cứu qua các bậc Hiền thánh, biên soạn các luận, nhóm họp thành một bộ, gọi là “Luận Trạng”, gồm ba mươi quyển. Mở quyển một lần xem được cả trăm nhà hiền triết. Sư cũng là bậc Tông trưởng của tâm học. Sau, ở tại Khúc Trì, Sư xây dựng chùa Tĩnh Giác, thường gần nước rọi bóng tre, hiểu vật làm thơ, có soạn Thiên Thập, v.v..

**9/-Truyện ngài Thích Đạo Sùng ở Nghiệp Hạ.**

Thích Đạo Sùng, họ Trương, tên Tân. Sống giữa thời Cao Tề và Nguyên Ngụy. Có Quốc Học Đại Nho Hùng An sinh, là người được liên bang quý trọng. Bấy giờ có Lý Phạm, Trương Tân (Đạo Sùng), Tề Cao, An tịch. Tài nghệ không ai chẳng quy Tông, sau đều gánh vác An hạ làm phó.

Sắp đến tuổi Tráng thất, Sư dẫn học trò hơn ngàn người đến huyện Nguyên Thị thuộc Triệu Châu, bên cạnh chùa Yển Giác, tức nay gọi là chùa Ứng Giác. Sư vào chùa xin nước. Có vị Sa-di đem nước ra cho, hỏi rõ sạch dơ mới uống. Sư vốn bên trong chẳng liên quan, mờ mịt chẳng đối đáp. Vị Sa-di ấy rưới nước vào mặt. Sư rất lấy làm hổ thẹn bảo những học trò tùy thuộc rằng: “Chẳng là đem nước làm nhục ta, thảng chỉ bày Phật Pháp khó suy nghĩ, luận bàn. Nay ta gá tâm vào đạo này, nên các ông đều tự giải tán.” Liền ngay ngày đó, Sư vào chùa ấy xin xuất gia. Theo phép của chùa, người vào Đạo phải trải qua ba năm thử thách. Nhưng vì Sư quá thông minh không thể bó buộc theo thể chế thường, nên ngay ngày ấy cho Sư thọ giới cụ túc. Ngài bèn đến Tây Sơn, rộng tìm Tạng Bộ. Thần dụng sâu trộ, Sư bùi ngùi than tự biết muộn.

Vua Tuyên Võ Đế (Nguyên Khác năm trăm-năm trăm mười sáu) thời Bắc Ngụy rất kính chuộng Phật Pháp. Có vị tăng người Ấn-độ tên Bồ-đề-lưu-chi; người Thiên-trúc, mới đầu phiên dịch Kinh Thập Địa tại điện Tử Cực. Có Sa-môn Lặc-na-ma-đề ở điện Thái Cực. Mỗi một vị đều có cấm vệ, chẳng nói chuyện qua lại, khảo xét các bản dịch, sợ có phù lạm. Bắt đầu từ niên hiệu Vĩnh Bình thứ nhất (năm trăm lẻ tám) đến năm thứ bốn (năm trăm mười một) mới hoàn tất. Đến lúc xét đáp, Sư chỉ nói: “Có Bất Nhị và Bất tận” (Không hai và Không cùng tận). Ngài Lặc-na-ma-đề bảo rằng: “Định có Bất nhị và bất tận”. Một chữ thành khác, đều cùng kinh hãi khen ngợi như kính phụng Thánh tâm.” Sư nhân câu hỏi ấy bèn đến chỗ Ngài Bồ-Đề-Lưu-Chi thưa hỏi chỗ sâu cực. Ngài Bồ-đề-lưu-chi bèn trao cho Sư Kinh Thập Địa và chỉ dạy ba năm. Sư tùy chỗ nghe mà soạn ra nghĩa số, tức vì khai học. Tiếng xướng to lớn, khắp Nghiệp hạ đều vinh hạnh suy tôn. Bấy giờ, các Văn Hùng nơi Triều đình như Ngụy Thâu, Hình Tử Tài, Dương Hưu, v.v.. kính xưa mến tịch Quan học do thành, tự để lại giềng mối cho đời, hình danh chẳng nường gởi, cùng theo đến nghe mà đều chẳng hiểu. Sư im lặng nhận biết, bèn bảo rằng: “CHư Hiền các ông đã xưng là Vinh Quốc, đã từng thọ nghiệp mà có chỗ đến ư?” Mọi người đều đáp: “Vốn thực là giòng họ Trương nhầm chán thế tục mà xuất gia.” Sư bảo: “Thầy trò

có nguyên do, nay được như thế” mới bảo: “Mắc tội rất lớn!” Ban đầu nghe nhận biết tiếng đều là thật v.v.. Thấy xưa, dung nghi chóng đổi, đến đây không tỏ ngộ. Khi đó đồng thức giục đánh ba tiếng khánh lớn, nhất tâm đây, buồn vui cùng theo nhau. Bèn vì tấu trình, đức hạnh tỏa khắp đương thời, mạng nghĩa lại tiêu biểu lớn, thường ngày ban tặng ba lượng vàng ròng, cùng tận nơi thân, tượng thành học sĩ, có khả năng truyền Đạo có hơn ngàn người. Trong đó các vị cao trội như là: Sa-môn Tăng Hưu, Pháp kế, Đản Lễ, Lao Nghi, Nho quả v.v...

Có thuyết khác nói rằng: Ban đầu Tam Tạng Pháp Sư Lạc-Na-Ma-Đề- chỉ dạy cho ba người. Với hai kẻ sĩ Phòng, Định thì chỉ trao cho Tâm Pháp. Còn ngài Tuệ Quang được dạy cho Pháp luật. Còn Tam Tạng Pháp Sư Bồ-đề-lưu-chi chỉ dạy cho Sư, Sư theo hướng Bắc mà hoằng Đạo, chỉ dạy bốn người như Lao nghi, v.v... Còn Ngài Tuệ Quang theo hướng Nam mà hoằng Đạo, chỉ dạy cho mười vị như Phùng Phạm v.v... Nên khiến ở Lạc Hạ có hai Đường Nam Bắc. Hiện tại đang có hai chủ thuyết do từ đó mà khởi đầu, và bốn Tông, năm Tông cũng xuất phát từ đó, nay đều đã mất, chẳng phiên phải ghi.

#### ***10/-Truyện ngài Thích Tuệ Tung ở Bành Thành.***

Thích Tuệ Tung, không rõ Sư họ gì, vốn là người nước Cao Xương. Nước ấy tức là nơi Trữ Cừ Lương Vương lánh đất, nên các dòng họ đều thông với Văn quý của Hoa Hạ.

Sư xuất gia từ thưở thiếu thời, rất thông minh lanh lợi, mở quyển liền tìm, bèn rõ nghĩa ở trong. Sư ngầm tích chứa nhóm Huyền tứ, rất đùa cợt tạp tâm. Sư được nước ấy quý trọng vào thời bấy giờ. Anh ngài là Bác Sĩ, Vương tộc rất kính chuộng, nhả trong rừng Nho không tôn kính Phật Lý. Thấy Sư tài giỏi nên khuyên hoàn tục, dùng nghĩa phương mà chỉ bảo. Sư nói: “Hủ Nho trí mọn, chưa đáng quy thướng, đó chỉ đáng đồng như bã rượu. Ngoài ra sao đâu thể cùng luận nói?” Anh Sư cố ngăn ngại, mới đem Dịch lâm bí ẩn hỏi Sư. Ban đầu, Sư chẳng đọc sách thế tục, cầm quyển mở bày tội ra nghe trước. Anh ngài tuy lấy làm kinh lạ, song, rất chẳng tin sự rộng lớn quan trọng của Phật Pháp. Sư bèn đem một bài kệ của Tỳ-đàm để khai hóa giúp anh Sư hiểu. Bị đình trệ hai tháng, lãng xãng quên giải thích, mới có lời ấy toàn trái với nghĩa lý. Sư có nói ra hoàn toàn trái với nghĩa lý, nhờ được khai mở nên lãnh nhiên thần ngộ. Anh Sư rất kính tin Phật Pháp, thông suốt chỗ nhiệm mầu kín đáo để Sư được tự ý du thiệp.

Bấy giờ, vào cuối thời Nguyên Ngụy, Phật Pháp đang truyền bá

rộng. Vua nước Cao Xương lại muốn giòng họ Thích trở lại mở mang, mới hiến Sư và người Em theo sứ vào triều, giòng họ cao làm tướng sâu cũng mến trọng. Bấy giờ, có Luận Sư Trí Du là bậc tài giỏi ở đương thời. Sư bèn đến nương tựa, nghe học các Luận Tỳ-đàm, Thành Thật. Sư lãnh điệp văn chỉ tín trọng ở đương thời, mà ngôi vị chỉ mới là Sa-di nên tiếng càng vang xa. Sau khi thọ giới cụ túc, bèn lên đầu tòa, mở giảng kinh luận, tạo ra cơ duyên. Mới khiến cho mọi bèn nhón, đối địch đều quay về nương tựa tiếp chân. Khi Sư học đã thành đạt, xa trông Bốn Quốc muốn xin về. Sư bảo: “Đem sự thành đạt sâu rộng của tôi, nghĩa lý chẳng phải là cái giúp đỡ cho Biên鄙!” Nên Sư trở lại Nghiệp Lạc mà mở mang Đạo pháp làm chính. Sau đó lại có sự thỉnh mời trở về nữa, Sư vẫn cố giữ như cũ. Vua Cao Xương bèn giết chế cả ba giòng tộc của Sư. Sư nghe thế bèn nói với thân thuộc của mình rằng: “Trong Kinh đã chẳng nói ư? Ba cõi Vô thường, các Hữu chẳng phải vui, hưởng gì ba đường tám khổ, điều kinh nói đâu đáng lấy làm lạ ư?”

Mãi đến lúc giòng họ Cao, thời Bắc Tề cải đổi cơ nghiệp nước nhà từ niên hiệu Thiên Bảo thứ nhất (năm trăm năm mươi) lên thống quán vinh vọng, được sự trọng vọng của Vua Văn Tuyên Đế (Cao Dương năm trăm năm mươi-năm trăm sáu mươi). Sư dùng tuệ học mà vinh dự lên cao; vì từng dùng Pháp nghĩa mà lần lượt nên đời đến ở Từ Châu làm Trưởng niên Tăng Thống, và ở tại Bách Bái mở mang đạo rộng lớn. Khắp Giang Biểu, Giang Nam đều dẫn đến vâng theo thanh giáo. Ngài là vị Tổ, có người kế thừa tức Luận Sư Chí Niệm ở đầu đời Tề. Sư thị tịch vào khoảng niên hiệu Thiên Bảo (năm trăm năm mươi-năm trăm sáu mươi) thời Bắc Tề, tại Từ Châu.